

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số .../QĐ-SIU ngày ... tháng ... năm 2022  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn )*

<b>Tên chương trình đào tạo:</b>	Cử nhân Ngôn ngữ Anh
<b>Trình độ đào tạo:</b>	Đại học
<b>Loại hình đào tạo:</b>	Chính quy
<b>Ngành đào tạo:</b>	Ngôn ngữ Anh
<b>Mã số:</b>	7220201

### 1. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives – POs):

#### 1.1 Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn nhằm đào tạo ra các cử nhân có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất, đạo đức, tác phong nghề nghiệp, có khả năng làm việc trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Anh ở địa phương, khu vực và quốc tế, và có thể theo học tiếp tục bậc học cao học và nghiên cứu sinh.

#### 1.2 Mục tiêu cụ thể:

Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên:

**PO1.** Kiến thức khoa học xã hội và nhân văn, công nghệ thông tin cần thiết đối với một sinh viên ngành ngôn ngữ;

**PO2.** Kiến thức về các kỹ năng ngôn ngữ và giao tiếp tiếng Anh để giúp sinh viên có thể trở thành người sử dụng ngôn ngữ, nhà giáo dục và dịch giả;

**PO3.** Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức, quản lý, và điều hành hoạt động trong lĩnh vực thương mại và giảng dạy tiếng Anh;

**PO4.** Năng lực sử dụng thành thạo các kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh tương đương bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam;

**PO5.** Kỹ năng mềm cá nhân, làm việc theo nhóm, tự học, quản lý và lãnh đạo;

**PO6.** Khả năng lập luận tư duy, phản biện và giải quyết vấn đề, khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức; năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp.

## 2. Chuẩn đầu ra (Program Learning Outcomes– PLOs):

Chuẩn đầu ra	Nhóm các PLOs
<b>Kiến thức</b>	<p><b>PLO1:</b> Hiểu biết các nguyên lý cơ bản của triết học Mác-Lênin, đường lối chính trị của Đảng cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh, pháp luật Việt Nam, và kiến thức về văn hóa xã hội để hội nhập văn hóa thế giới;</p> <p><b>PLO2:</b> Vận dụng kiến thức lý thuyết sâu, rộng phù hợp với ngành được đào tạo; kiến thức thực tế vào các hoạt động trong lĩnh vực tiếng Anh thương mại và giảng dạy tiếng Anh;</p> <p><b>PLO3:</b> Sử dụng các phần mềm ứng dụng văn phòng và các kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin phục vụ cho công việc thực tế;</p> <p><b>PLO4:</b> Tham gia vào công việc nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực chuyên ngành được đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn và tiếp tục học tập ở bậc học cao hơn;</p> <p><b>PLO5:</b> Sử dụng kiến thức cơ bản về quản lý công việc và sắp xếp thời gian, hợp tác và làm việc theo nhóm, chia sẻ và phân công nhiệm vụ vào công việc chuyên môn.</p>
<b>Kỹ năng</b>	<p><b>PLO6:</b> Thực hiện giải quyết hiệu quả các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực tiếng Anh thương mại và thực tiễn hoạt động giảng dạy;</p> <p><b>PLO7:</b> Thể hiện khả năng phân tích, tổng hợp, đánh giá, phản biện dữ liệu và thông tin, ý kiến tập thể và những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực chuyên ngành được đào tạo;</p> <p><b>PLO8:</b> Vận dụng các kỹ năng mềm cá nhân, làm việc theo nhóm, quản lý và lãnh đạo trong môi trường làm việc sử dụng tiếng Anh, dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp</p> <p><b>PLO9:</b> Vận dụng các kỹ năng trong giao tiếp như: nghe hiểu, phân tích, tổng hợp thông tin để thuyết trình, soạn thảo văn bản, dịch thuật</p> <p><b>PLO10:</b> Vận dụng các kỹ năng tiếng Anh trong giao tiếp (Nghe, Nói, Đọc, Viết) tương đương bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam; tiếng Trung Quốc tương đương chuẩn HSK3 hoặc tiếng Pháp tương đương trình độ DELF B1 theo khung tham chiếu Châu Âu về năng lực ngôn ngữ.</p>

Chuẩn đầu ra	Nhóm các PLOs
<b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b>	<b>PLO11:</b> Thể hiện trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm, thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, kỷ luật và tác phong nghề nghiệp
	<b>PLO12:</b> Chia sẻ công việc thông qua việc hướng dẫn, giám sát, và giúp đỡ thực hiện những nhiệm vụ xác định
	<b>PLO13:</b> Thể hiện ý thức không ngừng trau dồi và bồi dưỡng chuyên môn cho bản thân.

### 3. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

Mục tiêu của CTĐT	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo												
	Kiến thức					Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm		
	PLO 1	PL O2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13
PO1	X		X										
PO2		X				X		X	X	X			
PO3		X				X	X	X		X		X	
PO4								X		X			
PO5				X	X		X	X			X	X	X
PO6				X		X	X				X		

### 4. Vị trí việc làm:

Sinh viên tốt nghiệp có khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh thành thạo, được trang bị kiến thức khoa học xã hội, nhân văn và kiến thức chuyên môn chuyên sâu cả về lý thuyết và thực hành của ngành ngôn ngữ Anh để đảm nhận tốt các vị trí giáo viên tại các trung tâm ngoại ngữ, các trường phổ thông cũng như các cơ sở giáo dục khác. Ngoài ra sinh viên ngành ngôn ngữ Anh có thể đảm nhận tốt các vị trí giao dịch viên, phụ trách nhân sự, truyền thông, đối ngoại, biên phiên dịch, và quản lý các cấp trong các công ty, tổ chức về thương mại, ngân hàng, xuất nhập khẩu của Việt Nam và quốc tế.

### 5. Thời gian đào tạo: 4 năm.

### 6. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 123 tín chỉ.

## 7. Tiêu chí tuyển sinh:

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT và của Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn.

7.1. *Đối tượng tuyển sinh:* Học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT), theo tiêu chuẩn tuyển sinh của Bộ Giáo dục Đào tạo và tiêu chí tuyển sinh của Đại học Quốc tế Sài Gòn.

7.2. *Hình thức tuyển sinh:* Cập nhật hằng năm theo Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn. Đồng thời căn cứ theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Nhà trường

## 8. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp:

### 8.1. Quy trình đào tạo:

Thực hiện theo Quy chế đào tạo hiện hành của Bộ GD&ĐT và Quy chế học vụ hiện hành của Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn.

### 8.2. Điều kiện tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quy chế đào tạo hiện hành của Bộ GD&ĐT và Quy chế học vụ hiện hành của Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn.

## 9. Phương thức đánh giá:

Thực hiện theo Quy chế học vụ hiện hành của Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn.

## 10. Nội dung chương trình đào tạo:

### 10.1. Các khối kiến thức:

Khối kiến thức		Số tín chỉ	Tỉ lệ %
<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương</b>		<b>42</b>	<b>34</b>
1.1	Khoa học xã hội	13	11
1.2	Chính trị	11	9
1.3	Ngoại ngữ	12	10
1.4	Tin học	6	4
<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>		<b>71</b>	<b>58</b>
2.1.	Kiến thức cơ sở ngành	32	26
2.2.	Kiến thức ngành	18	15
2.3.	Kiến thức chuyên ngành	21	17
<b>3. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp</b>		<b>10</b>	<b>8</b>
<b>Tổng cộng:</b>		<b>123</b>	<b>100</b>

### 10.2. Nội dung chi tiết:

STT	Mã HP	Tên môn học		Số TC	Phân bổ số tiết					Mã HP tiên quyết
		Tiếng Việt	Tiếng Anh		Tổng g	LT	TH/TN	ĐA	T T	
<b>I. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b>				<b>42</b>						
<b>I.1. Khoa học xã hội</b>				<b>13</b>						
<b>I.1.1 Bắt buộc</b>										

STT	Mã HP	Tên môn học		Số TC	Phân bổ số tiết					Mã HP tiên quyết
		Tiếng Việt	Tiếng Anh		Tổng	LT	TH/TN	ĐA	T	
I.1.1.01	2BAS0005	Dẫn luận ngôn ngữ học	Introduction to Linguistics	2	30	30				
I.1.1.02	2GEN0008	Pháp luật đại cương	General laws	2	30	30				
I.1.1.03	2BAS11007	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Research Methods	3	45	45				
I.1.1.04	2BAS10013	Phương pháp và kỹ năng học đại học	Study Skills for University Success	2	30	30				
I.1.1.05	2BAS10002	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Fundamentals of Vietnamese Culture	2	30	30				
<b>I.1.2 Tự chọn (chọn 1 trong 3 môn)</b>				<b>2</b>						
I.1.2.01	2BAS0014	Nghệp vụ văn phòng	Office skills	2	30	30				
I.1.2.02	2BAS10003	Tiếng Việt thực hành	Vietnamese Language	2	30	30				
I.1.2.03	2BAS0006	Ngôn ngữ học đối chiếu	Contrastive Linguistics	2	30	30				2BAS0005
<b>I.2. Chính trị</b>				<b>11</b>						
<b>Bắt buộc</b>										
I.2.01	2GEN0011	Triết học Mác - Lênin	Philosophy of Marxism and Leninism	3	45	45				
I.2.02	2GEN0012	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Political Economics of Marxism and Leninism	2	30	30				2GEN0011
I.2.03	2GEN0013	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	Scientific Socialism	2	30	30				2GEN0012
I.2.04	2GEN0007	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Thought	2	30	30				2GEN0013
I.2.05	2GEN0014	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of The Communist Party of Vietnam	2	30	30				2GEN0007
<b>I.3. Tin học</b>				<b>6</b>						
<b>Bắt buộc</b>										
I.3.01	2GEN2096	Công cụ xử lý hình ảnh	Image Processing Tools	2	45	15	30			

STT	Mã HP	Tên môn học		Số TC	Phân bổ số tiết					Mã HP tiên quyết
		Tiếng Việt	Tiếng Anh		Tổng	LT	TH/TN	ĐA	T	
I.3.02	2GEN2097	Công cụ quản lý dự án	Project Management Tools	2	45	15	30			
I.3.03	2GEN3098	Công cụ Phân tích & Trục quan dữ liệu	Data analytics and visualization tools	2	45	15	30			
<b>I.4. Ngoại ngữ (chọn 1 trong 2 nhóm môn)</b>				<b>12</b>						
<b>Bắt buộc</b>										
<b>I.4.1. Tiếng Trung quốc</b>										
I.4.1.01	2LAN11430	Tiếng Trung Quốc 1	Chinese 1	3	45	45				
I.4.1.02	2LAN11431	Tiếng Trung Quốc 2	Chinese 2	3	45	45				2LAN11430
I.4.1.03	2LAN11432	Tiếng Trung Quốc 3	Chinese 3	3	45	45				2LAN11431
I.4.1.04	2LAN11433	Tiếng Trung Quốc 4	Chinese 4	3	45	45				2LAN11432
<b>I.4.2. Tiếng Pháp</b>										
I.4.2.01	2LAN1434	Tiếng Pháp 1	French 1	3	45	45				
I.4.2.02	2LAN1435	Tiếng Pháp 2	French 2	3	45	45				2LAN1434
I.4.2.03	2LAN1436	Tiếng Pháp 3	French 3	3	45	45				2LAN1435
I.4.2.04	2LAN1437	Tiếng Pháp 4	French 4	3	45	45				2LAN1436
<b>II. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>										
<b>II.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>				<b>32</b>						
<b>II.1.1 Bắt buộc</b>				<b>29</b>						
II.1.1.01	2ENG1001	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh	Introduction to English Language	2	30	30				
II.1. 1.02	2ENG23325	Kỹ năng thuyết trình	Presentation skills	3	45	45				
II.1. 1.03	2ENG11309	Nghe nâng cao 1	Advanced Listening 1	3	60	30	30			
II.1. 1.04	2ENG11310	Nói nâng cao 1	Advanced Speaking 1	3	60	30	30			
II.1. 1.05	2ENG11311	Đọc nâng cao 1	Advanced Reading 1	3	60	30	30			
II.1. 1.06	2ENG11312	Viết nâng cao 1	Advanced Writing 1	3	60	30	30			
II.1. 1.07	2ENG11313	Nghe nâng cao 2	Advanced Listening 2	3	60	30	30			2ENG11309
II.1. 1.08	2ENG11314	Nói nâng cao 2	Advanced Speaking 2	3	60	30	30			2ENG11310

STT	Mã HP	Tên môn học		Số TC	Phân bổ số tiết					Mã HP tiên quyết
		Tiếng Việt	Tiếng Anh		Tổng	LT	TH/TN	ĐA	T T	
II.1. 1.09	2ENG11315	Đọc nâng cao 2	Advanced Reading 2	3	60	30	30			2ENG11311
II.1. 1.10	2ENG11316	Viết nâng cao 2	Advanced Writing 2	3	60	30	30			2ENG11312
<b>II.1.2 Tự chọn (chọn 1 trong 3 môn)</b>				<b>3</b>						
II.1.2.11	2ENG4325	Viết học thuật	Academic Writing	3	45	45				2ENG11316
II.1. 2.12	2ENG11491	Viết luận Anh	English Composition	3	45	45				2ENG11316
II.1. 2.13	2ENG2306	Tiếng Anh nâng cao	Mastering English Language Skills	3	60	30	30			2ENG11313 2ENG11314 2ENG11315 2ENG11316
<b>II.2. Kiến thức ngành</b>				<b>18</b>						
<b>II.2.1 Bắt buộc</b>				<b>15</b>						
II.2.1.01	2ENG23224	Ngữ âm-Âm vị học	Phonetics and Phonology	3	45	45				
II.2. 1.02	2ENG13227	Hình thái học	Morphology	2	30	30				
II.2. 1.03	2ENG13226	Cú pháp học	Syntax	2	30	30				2ENG13227
II.2. 1.04	2ENG13225	Ngữ nghĩa học	Semantics	2	30	30				2ENG13226
II.2. 1.05	2SOC11490	Văn hoá Mỹ	American Culture	3	45	45				2ENG11313 2ENG11314 2ENG11315 2ENG11316
II.2. 1.06	2ENG22467	Văn học Mỹ	Multi-Ethnic American Literature	3	45	45				2SOC1490
<b>II.2.2 Tự chọn (chọn 1 trong 3 môn)</b>				<b>3</b>						
II.2.2.07	2ENG12401	Văn hóa Anh	British Culture	3	45	45				2ENG11313 2ENG11314 2ENG11315 2ENG11316
II.2. 2.08	2ENG2403	Văn học Anh	British Literature	3	45	45				2ENG11313 2ENG11314 2ENG11315 2ENG11316
II.2. 2.09	2ENG13421	Giao tiếp xuyên văn hóa	Cross-Cultural Communication	3	45	45				2SOC11490 2BAS0002
<b>II.3. Kiến thức chuyên ngành</b>				<b>21</b>						
<b>II.3.1. Bắt buộc</b>				<b>15</b>						
<b>II.3.1.1 Chuyên ngành Tiếng Anh giảng dạy</b>										
II.3.1.1.01	2ENG12301	Lý thuyết giảng dạy tiếng Anh	Theory of English Language Teaching	3	45	45				2ENG11313 2ENG11314 2ENG11315 2ENG11316

STT	Mã HP	Tên môn học		Số TC	Phân bổ số tiết					Mã HP tiên quyết
		Tiếng Việt	Tiếng Anh		Tổng	LT	TH/TN	ĐA	T	
II.3.1.1.02	2BAS11012	Tâm lý học giáo dục	Introduction to Educational Psychology	3	45	45				
II.3.1.1.03	2ENG3427	Thực hành giảng dạy	Teaching Practice	3	60	30	30			2ENG2301
II.3.1.1.04	2ENG14336	Công nghệ trong giảng dạy	Technology in Language teaching	3	45	45				
II.3.1.1.05	2ENG14337	Kiểm tra đánh giá trong giảng dạy ngoại ngữ	Testing & Assessment in English Language Teaching	3	45	45				2ENG2301
<b>II.3.1.2 Chuyên ngành Tiếng Anh thương mại</b>										
II.3.1.2.01	2ENG2302	Nhập môn Biên Phiên dịch	Introduction to Translation and Interpretation	3	60	30	30			2ENG11313 2ENG11314 2ENG11315 2ENG11316
II.3.1.2.02	2LAN11458	Tiếng Anh thương mại	English for Business Professionals	3	45	45				2ENG11313 2ENG11314 2ENG11315 2ENG11316
II.3.1.2.03	2LAN11459	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch	English for Tourism Professionals	3	45	45				2ENG11313 2ENG11314 2ENG11315 2ENG11316
II.3.1.2.04	2LAN11460	Tiếng Anh chuyên ngành nhân sự	English for Human Resources Professionals	3	45	45				2ENG11313 2ENG11314 2ENG11315 2ENG11316
II.3.1.2.05	2ENG14338	Thực hành Biên dịch	Professional Translation Practice	3	45	45				2ENG2302
<b>II.3.2 Tự chọn (chọn 2 trong 5 môn)</b>				<b>6</b>						
II.3.2.01	2ENG14341	Thiết kế khóa học ngoại ngữ	Designing and Developing an English Course	3	45	45				2ENG2301
II.3.2.02	2BAS10010	Giáo dục học đại cương và phổ thông	Introduction to Education Studies	3	45	45				
II.3.2.03	2ENG14423	Viết chuyên ngành thương mại	Business Writing	3	45	45				2ENG11313 2ENG11314 2ENG11315 2ENG11316
II.3.2.04	2ENG14339	Biên dịch thương mại	Business Translation	3	45	45				2ENG2302



STT	Mã HP	Tên môn học		Số TC	Phân bổ số tiết					Mã HP tiên quyết
		Tiếng Việt	Tiếng Anh		Tổng	LT	TH/TN	ĐA	T T	
II.3.2.05	2ENG14340	Thực hành Phiên dịch	Professional Interpretation Practice	3	45	45				2ENG2302
<b>II.4. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp</b>				<b>10</b>						
II.4.01	2CTS8331	Thực tập tốt nghiệp	Graduation Internship	3	45				4 5	
II.4.02	2CTS8749	Khoá luận tốt nghiệp	Graduation Thesis	7	105			105		
<b>III. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT VÀ AN NINH QUỐC PHÒNG (theo quy định của Bộ GD &amp; ĐT)</b>				<b>11</b>						
<b>Bắt buộc, không tích lũy</b>										
III.1	2GEN10001	Giáo dục quốc phòng & An ninh	National Defense and Security Education	11	165	165				
III.2	2GEN0002	Giáo dục thể chất	Physical Education	5	150		150			

**10.3 Ma trận đáp ứng giữa các môn học và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:**

(Mức độ áp ứng: 1: Không liên quan trực tiếp; 2: Liên quan một phần; 3: Liên quan; 4: Liên quan gần gũi; 5: Liên quan đặc biệt)

		Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo												
		Kiến Thức					Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm		
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 0	PLO1 1	PLO1 2	PLO1 3
<b>I</b>	<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b>													
<b>I.1</b>	<b>Khoa học xã hội</b>													
	<b>Bắt buộc</b>													
I.1.01	Dẫn luận ngôn ngữ học/ Introduction to Linguistics		3		3	3			3	3			3	
I.1.02	Pháp luật đại cương/ General laws	3											3	
I.1.03	Phương pháp nghiên cứu khoa học/ Research Methods		3		5	4		4		3		4		
I.1.04	Phương pháp và kỹ năng học đại học/ Study Skills for University Success				3	4			4	3			4	
I.1.05	Cơ sở văn hóa Việt Nam/ Fundamentals of Vietnamese Culture	3				3			3				3	
	<b>Tự chọn (chọn 1 trong 3)</b>													
I.1.06	Nghiệp vụ văn phòng/ Office Skills		3		2	4			3	4			3	
I.1.07	Tiếng Việt thực hành/ Vietnamese Language	3			3	3			3	3			3	
I.1.08	Ngôn ngữ học đối chiếu/ Contrastive Linguistics		4		4	3			3	4			3	

<b>I.2</b>	<b>Chính trị</b>													
	<b>Bắt buộc</b>													
I.2.01	Triết học Mác - Lênin/ Philosophy of Marxism and Leninism	5								3		3		
I.2.02	Kinh tế chính trị Mác - Lênin/ Political Economics of Marxism and Leninism	5								3		3		
I.2.03	Chủ nghĩa Xã hội khoa học/ Scientific Socialism	5								3		3		
I.2.04	Tư tưởng HỒ Chí Minh/ Ho Chi Minh Thought	5								3		3		
I.2.05	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam/ History of the Communist Party of Vietnam	5								3		3		
<b>I.3</b>	<b>Tin học</b>													
	<b>Bắt buộc</b>													
I.3.01	Công cụ xử lý hình ảnh / Image Processing Tools			5										3
I.3.02	Công cụ quản lý dự án / Project Management Tools			5										3
I.3.03	Công cụ Phân tích & Trục quan dữ liệu / Data analytics and visualization tools			5										3
<b>I.4</b>	<b>Ngoại ngữ (chọn 1 trong 2 nhóm môn)</b>													
<b>I.4.1</b>	<b>Tiếng Trung Quốc</b>													

I.4.1.01	Tiếng Trung Quốc 1/ Chinese 1					3			3	3	5		3	
I.4.1.02	Tiếng Trung Quốc 2/ Chinese 2					3			3	3	5		3	
I.4.1.03	Tiếng Trung Quốc 3/ Chinese 3					3			3	3	5		3	
I.4.1.04	Tiếng Trung Quốc 4/ Chinese 4					3			3	3	5		3	
<b>I.4.2</b>	<b>Tiếng Pháp</b>													
I.4.2.01	Tiếng Pháp 1/ French 1					3			3	3	5		3	
I.4.2.02	Tiếng Pháp 2/ French 2					3			3	3	5		3	
I.4.2.03	Tiếng Pháp 3/ French 3					3			3	3	5		3	
I.4.2.04	Tiếng Pháp 4/ French 4					3			3	3	5		3	
<b>II</b>	<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>													
<b>II.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>													
II.1.01	Nhập môn ngành ngôn ngữ Anh/ Introduction to English Language		3		3	3			3	3	3			3
II.1.02	Kỹ năng thuyết trình/ Presentation skills		4			3			5	5	3			3
II.1.03	Nghe nâng cao 1/ Advanced Listening 1		4			3			3	4	5			3
II.1.04	Nói nâng cao 1/ Advanced Speaking 1		4			3			3	4	5			3
II.1.05	Đọc nâng cao 1/ Advanced Reading 1		4			3			3	4	5			3
II.1.06	Viết nâng cao 1/ Advanced Writing 1		4			3			3	4	5			3
II.1.07	Nghe nâng cao 2/ Advanced Listening 2		4			3			3	5	5			3

II.1.08	Nói nâng cao 2/ Advanced Speaking 2		4			3			3	5	5			3
II.1.09	Đọc nâng cao 2/ Advanced Reading 2		4			3			3	5	5			3
II.1.10	Viết nâng cao 2/ Advanced Writing 2		4			3			3	5	5			3
	<b>Tự chọn (chọn 1 trong 3)</b>													
II.1.11	Viết học thuật / Academic Writing		4		4	3			3	3	5			3
	Viết luận Anh/ English Composition		4		4	3			3	3	5			3
	Tiếng Anh nâng cao / Mastering English Language Skills		4			3			3	3	5			3
<b>II.2</b>	<b>Kiến thức ngành</b>													
	<b>Bắt buộc</b>													
II.2.01	Ngữ âm-Âm vị học/ Phonetics and Phonology		4		3	3			3	3	3			3
II.2.02	Hình thái học/ Morphology		4		3	3			3	3	3			3
II.2.03	Cú pháp học / Syntax		4		3	3			3	3	3			3
II.2.04	Ngữ nghĩa học/ Semantics		4		3	3			3	3	3			3
II.2.05	Văn hoá Mỹ/ American Culture	5	3		3	3			3	3			3	
II.2.06	Văn học Mỹ/ Multi-Ethnic American Literature	5	3		3				3	3			3	
	<b>Tự chọn (chọn 1 trong 3)</b>													
II.2.07	Văn hóa Anh/ British Culture	5	4		3	3			3	4			3	
	Văn học Anh/ British Literature	4	3		3				3	4			3	

	Giao tiếp xuyên văn hóa/ Cross-Cultural Communication		5		3	3			3	4	4			3
<b>II.3</b>	<b>Kiến thức chuyên ngành</b>													
<b>II.3.1</b>	<b>Bắt buộc</b>													
<b>II.3.1.1</b>	<b>Chuyên ngành Tiếng Anh giảng dạy</b>													
II.3.1.1.0 1	Lý thuyết giảng dạy tiếng Anh / Theory of English Language Teaching		5		3	3			3	4				3
II.3.1. 1.02	Tâm lý học giáo dục / Introduction to Educational Psychology		5		3	3	5	4	3	3	3	3	3	5
II.3.1. 1.03	Thực hành giảng dạy / Teaching Practice		5		3	3	5	5	3	3	3	3	3	5
II.3.1. 1.04	Công nghệ trong giảng dạy / Technology in Language Teaching		5		3	3	5	5	3	3	3	3	3	5
II.3.1. 1.05	Kiểm tra đánh giá trong giảng dạy ngoại ngữ / Testing & Assessment in English Language Teaching		5		3	3	5	4	3	3	3	3	3	5
<b>II.3.1.2</b>	<b>Chuyên ngành Tiếng Anh thương mại</b>													
II.3.1. 2.01	Nhập môn Biên Phiên dịch/ Introduction to Translation and Interpretation		5		3	3			3	4	2			3
II.3.1. 2.02	Tiếng Anh Thương Mại/ English for Business Professionals		5		3	3	5	4	3	3	3	3	3	5
II.3.1. 2.03	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch/ English for Tourism Professionals		4		3	3	5	4	3	3	4	3	3	5

II.3.1. 2.04	Tiếng Anh chuyên Ngành Nhân Sự/ English for Human Resources Professionals		4		3	3	5	4	3	3	4	3	3	5
II.3.1. 2.05	Thực hành Biên dịch/ Professional Translation Practice		5		3	3	5	5	3	3	3	3	3	5
<b>II.3.2</b>	<b>Tự chọn (chọn 2 trong 3 môn)</b>													
II.3.2.01	Thiết kế khóa học ngoại ngữ / Designing and Developing an English Course		5		3	3	5	5	3	3	3	3	3	5
II.3.2.02	Giáo dục học đại cương và phổ thông / Introduction to Education Studies		5		3	3	5	4	3	3	3	3	3	5
II.3.2.03	Viết chuyên ngành thương mại / Business Writing		5		3	3	5	4	3	3	3	3	3	5
II.3.2.04	Biên dịch thương mại/ Business Translation		4		3	3	5	4	3	3	4	5	3	5
II.3.2.05	Thực hành Phiên dịch / Professional Interpretation Practice		5		3	3	5	5	3	3	3	3	3	5
<b>II.4</b>	<b>Thực tập và khóa luận tốt nghệ</b>													
II.4.01	Thực tập tốt nghiệp / Graduation Internship		5	5	5	5	5	5		5	5	5	5	5
II.4.02	Khoá luận tốt nghiệp / Graduation Thesis		5	5	5		5	5		5	5	5	5	5

IV	<b>CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH (theo quy định của Bộ GD&amp;ĐT)</b>													
	<b>Bắt buộc, không tích lũy</b>													
IV.1	Giáo dục quốc phòng & An ninh / National Defense and Security Education	3										5		
IV.2	Giáo dục thể chất / Physical Education	3										5		
<b>TỔNG CỘNG</b>														



10.4. Kế hoạch giảng dạy:

STT	Mã HP	Tên môn học		Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Ghi chú
						LT	TH	Đ	T	
		TN	A				T			
<b>Học kỳ 1</b>										
1	2BAS10013	Phương pháp và kỹ năng học đại học	Study Skills for University Success	2	30	30				
2	2ENG11001	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh	Introduction to English Language	2	30	30				
3	2BAS10002	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Fundamentals of Vietnamese Culture	2	30	30				
4	2ENG23325	Kỹ năng thuyết trình	Presentation Skills	3	45	45				
5	2BAS0005	Dẫn luận ngôn ngữ học	Introduction to Linguistics	2	30	30				
<b>Tổng số tín chỉ tích lũy HK1</b>				<b>11</b>						
<b>Tổng số tín chỉ HK1</b>				<b>11</b>						
<b>Học kỳ 2</b>										
6	2ENG23224	Ngữ âm-Âm vị học	Phonetics and Phonology	3	45	45				
7	2ENG11309	Nghe nâng cao 1	Advanced Listening 1	3	60	30	30			
8	2ENG11310	Nói nâng cao 1	Advanced Speaking 1	3	60	30	30			
9	2ENG11311	Đọc nâng cao 1	Advanced Reading 1	3	60	30	30			
10	2ENG11312	Viết nâng cao 1	Advanced Writing 1	3	60	30	30			
<b>Tự chọn (chọn 1 trong 3 môn)</b>				<b>2</b>						
11	2BAS0014	Nghịệp vụ văn phòng	Office Skills	2	30	30				
	2BAS10003	Tiếng Việt thực hành	Vietnamese Language Practice	2	30	30				
	2BAS0006	Ngôn ngữ học đối chiếu	Contrastive Linguistics	2	30	30				
<b>Tổng số tín chỉ tích lũy HK2</b>				<b>17</b>						
<b>Tổng số tín chỉ HK2</b>				<b>17</b>						
<b>Học kỳ hè 1</b>										
12	2GEN0002	Giáo dục thể chất 1	Physical Education 1	1	30		30			<i>không tích lũy</i>
13	2ENG13227	Hình thái học	Morphology	2	30	30				
14	2GEN0011	Triết học Mác - Lênin	Philosophy of Marxism and Leninism	3	45	45				
15	2GEN0008	Pháp luật đại cương	General Laws	2	30	30				
<b>Tổng số tín chỉ tích lũy HK hè 1</b>				<b>7</b>						

Tổng số tín chỉ HK hè 1				8						
<b>Học kỳ 3</b>										
16	2GEN0002	Giáo dục thể chất 2	Physical Education 2	1	30		30			<i>không tích lũy</i>
17	2GEN2096	Công cụ xử lý hình ảnh	Image Processing Tools	2	45	15	30			
18	2ENG13226	Cú pháp học	Syntax	2	30	30				
19	2ENG11313	Nghe nâng cao 2	Advanced Listening 2	3	60	30	30			<i>đạt trình độ tương đương bậc 5</i>
20	2ENG11314	Nói nâng cao 2	Advanced Speaking 2	3	60	30	30			
21	2ENG11315	Đọc nâng cao 2	Advanced Reading 2	3	60	30	30			
22	2ENG11316	Viết nâng cao 2	Advanced Writing 2	3	60	30	30			
<b>Môn tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn)</b>				<b>3</b>						
23	2LAN11430	Tiếng Trung Quốc 1	Chinese 1	3	45	45				
	2LAN1434	Tiếng Pháp 1	French 1	3	45	45				
<b>Tổng số tín chỉ tích lũy HK3</b>				<b>19</b>						
<b>Tổng số tín chỉ HK3</b>				<b>20</b>						
<b>Học kỳ 4</b>										
24	2ENG13225	Ngữ nghĩa học	Semantics	2	30	30				
25	2SOC11490	Văn hoá Mỹ	American Culture	3	45	45				
<b>Chuyên ngành Tiếng Anh giảng dạy</b>										
26	2ENG12301	Lý thuyết giảng dạy tiếng Anh	Theory of English Language Teaching	3	45	45				
27	2BAS11012	Tâm lý học giáo dục	Introduction to Educational Psychology	3	45	45				
28	2ENG14336	Công nghệ trong giảng dạy	Technology in Language Teaching	3	45	45				
<b>Tự chọn (chọn 1 trong 5 môn)</b>				<b>3</b>						
29	2ENG14341	Thiết kế khóa học ngoại ngữ	Designing and Developing an English Course	3	45	45				
	2BAS10010	Giáo dục học đại cương và phổ thông	Introduction to Education Studies	3	45	45				
	2ENG14423	Viết chuyên ngành thương mại	Business Writing	3	45	45				
	2ENG14339	Biên dịch thương mại	Business Translation	3	45	45				
	2ENG14340	Thực hành Phiên dịch	Professional Interpretation Practice	3	45	45				
<b>Chuyên ngành Tiếng Anh thương mại</b>										

26	2ENG2302	Nhập môn Biên Phiên dịch	Introduction to Translation and Interpretation	3	45	45				
27	2LAN11458	Tiếng Anh thương mại	English for Business Professionals	3	60	30				
28	2LAN11459	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch	English for Tourism Professionals	3	45	45				
29	2LAN11460	Tiếng Anh chuyên ngành nhân sự	English for Human Resources Professionals	3	45	45				
<b>Môn tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn)</b>				<b>3</b>						
30	2LAN11431	Tiếng Trung Quốc 2	Chinese 2	3	45	45				
	2LAN1435	Tiếng Pháp 2	French 2	3	45	45				
<b>Tổng số tín chỉ tích lũy HK4</b>				<b>20</b>						
<b>Tổng số tín chỉ HK4</b>				<b>20</b>						
<b>Học kỳ hệ 2</b>										
31	2GEN0012	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Political Economics of Marxism and Leninism	2	30	30				
32	2GEN0013	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	Scientific Socialism	2	30	30				
33	2ENG22467	Văn học Mỹ	Multi-Ethnic American Literature	3	45	45				
34	2GEN0002	Giáo dục thể chất 3	Physical Education 3	1	30		30			<i>không tích lũy</i>
<b>Chuyên ngành Tiếng Anh giảng dạy</b>										
35	2ENG14337	Kiểm tra đánh giá trong giảng dạy ngoại ngữ	Testing & Assessment in English Language Teaching	3	45	45				
<b>Chuyên ngành Tiếng Anh thương mại</b>										
<b>Môn tự chọn (Chọn 1 trong 5 môn)</b>				<b>3</b>						
35	2ENG14341	Thiết kế khóa học ngoại ngữ	Designing and Developing an English Course	3	45	45				
	2BAS10010	Giáo dục học đại cương và phổ thông	Introduction to Education Studies	3	45	45				
	2ENG14423	Viết chuyên ngành thương mại	Business Writing	3	45	45				
	2ENG14339	Biên dịch thương mại	Business Translation	3	45	45				
	2ENG14340	Thực hành Phiên dịch	Professional Interpretation Practice	3	45	45				
<b>Tổng số tín chỉ tích lũy HK hệ 2</b>				<b>10</b>						

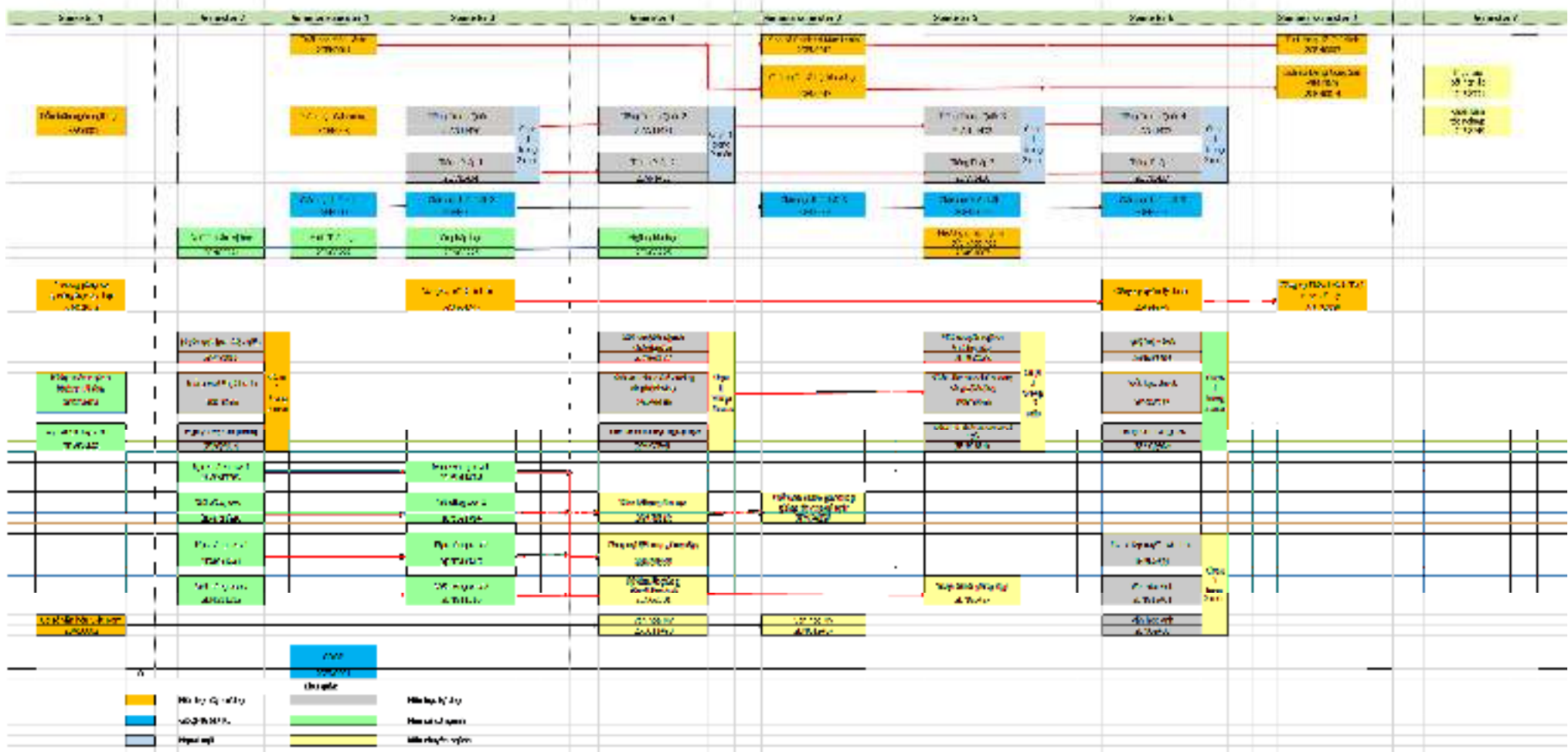
Tổng số tín chỉ HK hè 2				11					
<b>Học kỳ 5</b>									
36	2GEN0002	Giáo dục thể chất 4	Physical Education 4	1	30		30		<i>không tích lũy</i>
<b>Chuyên ngành Tiếng Anh giảng dạy</b>									
37	2ENG3427	Thực hành giảng dạy	Teaching Practice	3	45	45			
38	2BAS11007	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Research Methods	3	45	45			
<b>Môn tự chọn (Chọn 1 trong 5 môn)</b>				<b>3</b>					
39	2ENG14341	Thiết kế khóa học ngoại ngữ	Designing and Developing an English Course	3	45	45			
	2BAS10010	Giáo dục học đại cương và phổ thông	Introduction to Education Studies	3	45	45			
	2ENG14423	Viết chuyên ngành thương mại	Business Writing	3	45	45			
	2ENG14339	Biên dịch thương mại	Business Translation	3	45	45			
	2ENG14340	Thực hành Phiên dịch	Professional Interpretation Practice	3	45	45			
<b>Chuyên ngành Tiếng Anh thương mại</b>									
37	2ENG14338	Thực hành Biên dịch	Professional Translation Practice	3	45	45			
38	2BAS11007	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Research Methods	3	45	45			
<b>Môn tự chọn (Chọn 1 trong 5 môn)</b>				<b>3</b>					
39	2ENG14341	Thiết kế khóa học ngoại ngữ	Designing and Developing an English Course	3	45	45			
	2BAS10010	Giáo dục học đại cương và phổ thông	Introduction to Education Studies	3	45	45			
	2ENG14423	Viết chuyên ngành thương mại	Business Writing	3	45	45			
	2ENG14339	Biên dịch thương mại	Business Translation	3	45	45			
	2ENG14340	Thực hành Phiên dịch	Professional Interpretation Practice	3	45	45			
<b>Môn tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn)</b>				<b>3</b>					
40	2LAN11432	Tiếng Trung Quốc 3	Chinese 3	3	45	45			
	2LAN1436	Tiếng Pháp 3	French 3	3	45	45			
<b>Tổng số tín chỉ tích lũy HK5</b>				<b>12</b>					
<b>Tổng số tín chỉ HK5</b>				<b>13</b>					
<b>Học kỳ 6</b>									

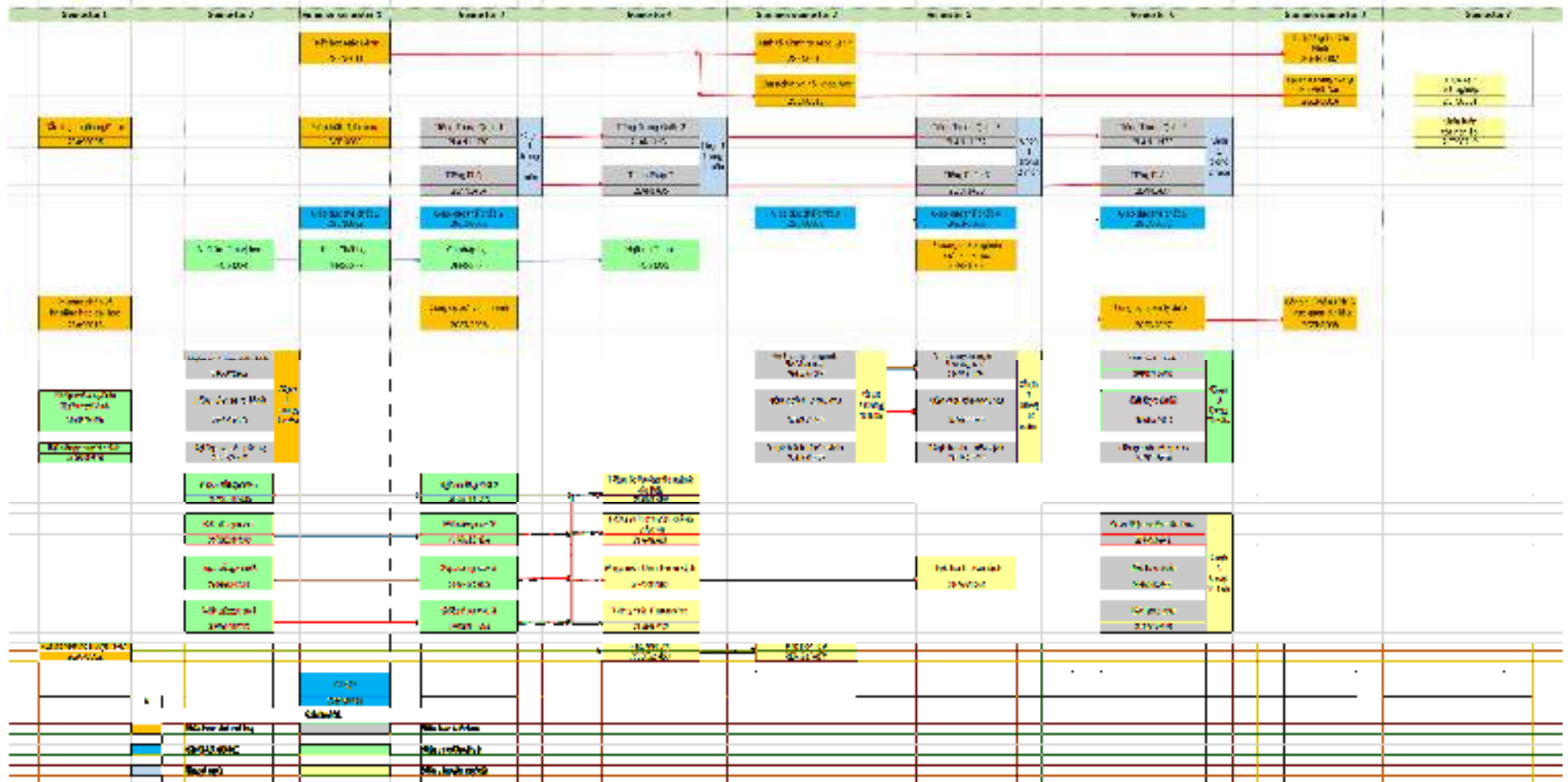
41	2GEN0002	Giáo dục thể chất 5	Physical Education 5	1	30		30			<i>không tích lũy</i>
42	2GEN2097	Công cụ quản lý dự án	Project Management Tools	2	45	15	30			
<b>Môn tự chọn (Chọn 1 trong 3 môn)</b>				<b>3</b>						
43	2ENG12401	Văn hóa Anh	British Culture	3	45	45				
	2ENG2403	Văn học Anh	British Literature	3	45	45				
	2ENG13421	Giao tiếp xuyên văn hóa	Cross-Cultural Communication	3	60	30	30			
<b>Môn tự chọn (Chọn 1 trong 3 môn)</b>				<b>3</b>						
44	2ENG4325	Viết học thuật	Academic Writing	3	45	45				
	2ENG11491	Viết luận Anh	English Composition	3	45	45				
	2ENG22306	Tiếng Anh nâng cao	Mastering English Language Skills	3	45	45				
<b>Môn tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn)</b>				<b>3</b>						
45	2LAN11433	Tiếng Trung Quốc 4	Chinese 4	3	45	45				
	2LAN1437	Tiếng Pháp 4	French 4	3	45	45				
<b>Tổng số tín chỉ tích lũy HK6</b>				<b>11</b>						
<b>Tổng số tín chỉ HK6</b>				<b>12</b>						
<b>Học kỳ hè 3</b>										
46	2GEN0014	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of The Communist Party of Vietnam	2	30	30				
47	2GEN10007	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Thought	2	30	30				
48	2GEN3098	Công cụ Phân tích & Trực quan dữ liệu	Data Analytics and Visualization Tools	2	45	15	30			
<b>Tổng số tín chỉ tích lũy HK hè 3</b>				<b>6</b>						
<b>Tổng số tín chỉ HK hè 3</b>				<b>6</b>						
<b>Học kỳ 7</b>										
49	2CTS8331	Thực tập tốt nghiệp	Graduation Internship	3	45				4	5
50	2CTS8749	Khoá luận tốt nghiệp	Graduation Thesis	7	105			10	5	
<b>Tổng số tín chỉ tích lũy HK7</b>				<b>10</b>						
<b>Tổng số tín chỉ HK7</b>				<b>10</b>						

# 11. Sơ đồ chương trình giảng dạy:



KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHUYỂN NGÀNH TIẾNG ANH GIẢNG DẠY - KHÓA 2022-2026





## **12. Hướng dẫn thực hiện chương trình**

- Chương trình đào tạo được thực hiện theo Kế hoạch giảng dạy của Nhà trường.
- Các môn học được phân công giảng dạy bởi khoa / đơn vị quản lý môn học và được giảng dạy theo đề cương chi tiết môn học đã được phê duyệt.
- Việc tổ chức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá môn học được thực hiện theo Quy chế học vụ và các quy chế, quy định có liên quan của Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn.

## **13. Mô tả môn học:**

### **13.01. Dẫn luận ngôn ngữ**

#### **Môn học tiên quyết: Không**

Môn học cung cấp các kiến thức chung, các khái niệm về bản chất và chức năng của ngôn ngữ, cấu trúc ngôn ngữ, phân loại ngôn ngữ, nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ, đối tượng và nhiệm vụ của ngôn ngữ học; các kiến thức về ngữ âm và chữ viết, bao gồm sự kiện tiếng nói, sự khu biệt trong mặt biểu đạt của ngôn ngữ, chữ viết; khái niệm về nghĩa của từ trong hệ thống ngôn ngữ, trong cách dùng từ.

### **13.02. Pháp luật đại cương**

#### **Môn học tiên quyết: Không**

Học phần Pháp luật đại cương giới thiệu các khái niệm, các phạm trù cơ bản về nhà nước và pháp luật dưới góc độ của khoa học pháp lý. Trên cơ sở đó học phần đi vào phân tích: cấu trúc của bộ máy Nhà nước, chức năng, nhiệm vụ, địa vị pháp lý của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; cơ cấu của hệ thống pháp luật.

### **13.03. Phương pháp nghiên cứu khoa học**

#### **Môn học tiên quyết: Không**

Môn học Phương pháp nghiên cứu khoa học được thiết kế để cung cấp cho sinh viên từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, các cách viết liên quan đến việc viết các phần khác nhau của một bài khóa luận tốt nghiệp. Sau khi học xong môn này, sinh viên có thể phân tích và tổng hợp các phương pháp trình bày các chương quan trọng trong một bài khóa luận. Sinh viên cũng sẽ học về cách trích dẫn và giải thích để tránh vi phạm đạo văn từ các tác giả khác.

### **13.04. Phương pháp và kỹ năng học đại học**

#### **Môn học tiên quyết: Không**

Môn Phương pháp và kỹ năng học đại học cung cấp những kiến thức cơ bản về phương pháp học phù hợp với môi trường dạy – học đại học, đặc biệt là học tiếng Anh, nhằm đem lại hiệu quả tối ưu cho người học. Môn học hướng dẫn người học các kỹ năng cần thiết như xác định mục tiêu và lập kế hoạch học tập, cách ghi chú để nắm bắt ý chính của bài học. Ngoài ra, môn học còn giúp sinh viên biết cách giải tỏa các lo âu, vượt qua những thách thức trong giờ học cũng như bồi dưỡng năng lực tự học.



### **13.05. Cơ sở văn hóa Việt Nam**

#### **Môn học tiên quyết: Không**

Môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức chung và chuyên sâu về văn hóa Việt Nam nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên học các môn học có liên quan và có kiến thức cần thiết cho công tác có liên quan đến lĩnh vực văn hóa sau này. Môn học cũng giúp sinh viên tìm hiểu các thành tố văn hóa: văn hóa nhận thức và văn hóa tổ chức cộng đồng; văn hóa giao tiếp ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội.

### **13.06. Triết học Mác – Lênin**

#### **Môn học tiên quyết: Không**

Môn học trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử.

### **13.07. Kinh tế chính trị Mác – Lênin**

#### **Môn học tiên quyết: Triết học Mác – Lênin [2GEN0011]**

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức về hàng hóa, thị trường; sản xuất giá trị thặng dư; cạnh tranh và độc quyền; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

### **13.08. Chủ nghĩa xã hội khoa học**

#### **Môn học tiên quyết: Kinh tế chính trị Mác – Lênin [2GEN0012]**

Môn học chủ nghĩa xã hội khoa học (CNXHKKH) là một trong ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác – Lênin, là kết quả của sự vận dụng thế giới quan, phương pháp luận triết học Mác – Lênin và những học thuyết của kinh tế chính trị Mác - Lênin vào việc nghiên cứu quy luật tất yếu của sự ra đời hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa.

### **13.09. Tư tưởng Hồ Chí Minh**

#### **Môn học tiên quyết: Chủ nghĩa Xã hội khoa học [2GEN0013]**

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; cơ sở hình thành của tư tưởng Hồ Chí Minh; độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức và con người.

### **13.10. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**

#### **Môn học tiên quyết: Tư tưởng Hồ Chí Minh [2GEN0007]**

Môn học trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-

1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975).

### **13.11. Tiếng Trung Quốc 1**

#### **Môn học tiên quyết: Không**

Môn học gồm 15 bài, mỗi bài được thiết kế với đầy đủ các nội dung như từ mới, bài khóa, chú thích, ngữ âm, ngữ pháp và bài tập. Thông qua việc giảng dạy và luyện tập trên lớp, hướng dẫn và giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng phát âm tiếng Trung Quốc, nắm vững 150 chữ và từ, biết cách sử dụng các mẫu câu cơ bản thường dùng. Sau khoá học, sinh viên đạt trình độ HSK cấp 1.

### **13.12. Tiếng Trung Quốc 2**

#### **Môn học tiên quyết: Tiếng Trung Quốc 1 [2LAN11430]**

Môn học gồm 15 bài, mỗi bài được thiết kế với đầy đủ các nội dung như từ mới, bài khóa, chú thích, ngữ âm, ngữ pháp và bài tập. Thông qua việc giảng dạy và luyện tập trên lớp, hướng dẫn và giúp sinh viên nắm vững thêm 150 chữ và từ, biết cách sử dụng các mẫu câu cơ bản thường dùng. Sau khoá học, sinh viên đạt trình độ HSK cấp 2.

### **13.13. Tiếng Trung Quốc 3**

#### **Môn học tiên quyết: Tiếng Trung Quốc 2 [2LAN11431]**

Môn học có 10 bài, mỗi bài gồm bài đọc, từ vựng, ngữ pháp, chú thích về văn hóa và cách sử dụng từ vựng, bài tập và bài đọc thêm. Thông qua việc giảng dạy và luyện tập trên lớp, hướng dẫn và giúp sinh viên nắm vững thêm 150 chữ và từ, biết cách sử dụng các mẫu câu cơ bản thường dùng. Sau khoá học, sinh viên đạt trình độ tiên HSK cấp 3.

### **13.14. Tiếng Trung Quốc 4**

#### **Môn học tiên quyết: Tiếng Trung Quốc 3 [2LAN11432]**

Môn học có 10 bài, mỗi bài gồm bài đọc, từ vựng, ngữ pháp, chú thích về văn hóa và cách sử dụng từ vựng, bài tập và bài đọc thêm. Thông qua việc giảng dạy và luyện tập trên lớp, hướng dẫn và giúp sinh viên nắm vững thêm 150 chữ và từ, biết cách sử dụng các mẫu câu cơ bản thường dùng. Sau khoá học, sinh viên đạt trình độ HSK cấp 3.

### **13.15. Tiếng Pháp 1**

#### **Môn học tiên quyết: Không**

Môn học tiếng Pháp 1 cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ pháp tiếng Pháp theo trình tự từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp. Môn học có 9 bài, mỗi bài gồm bài đọc, từ vựng, ngữ pháp, bài nghe, phần luyện phát âm và các bài tập thực hành. Sinh viên có thể nắm được kiến thức ngữ pháp căn bản của tiếng Pháp, biết sử dụng tiếng Pháp trong giao tiếp thông thường.

### **13.16. Tiếng Pháp 2**

#### **Môn học tiên quyết: Tiếng Pháp 1 [2LAN1434]**

Môn học có 9 bài, mỗi bài gồm bài đọc, từ vựng, ngữ pháp, bài nghe, phần luyện phát âm và các bài tập thực hành. Môn học cung cấp cho người học kiến thức ngôn ngữ xoay quanh các chủ đề như du lịch, nhà hàng, khách sạn, ẩm thực hay giao thông. Sinh viên được cung cấp vốn từ vựng cần thiết về những chủ đề như nhà ở, đường xá, địa danh, hoạt động hàng ngày; những kiến thức ngữ pháp và ngữ âm cần thiết.

### **13.17. Tiếng Pháp 3**

#### **Môn học tiên quyết: Tiếng Pháp 2 [2LAN1435]**

Môn học có 9 bài, mỗi bài gồm bài đọc, từ vựng, ngữ pháp, bài nghe, phần luyện phát âm và các bài tập thực hành. Môn học tiếp tục cung cấp cho người học kiến thức ngôn ngữ xoay quanh các chủ đề hàng ngày quen thuộc và như du lịch, nhà hàng, khách sạn, ẩm thực, giao thông.

### **13.18. Tiếng Pháp 4**

#### **Môn học tiên quyết: Tiếng Pháp 3 [2LAN1436]**

Môn học có 10 bài, mỗi bài gồm bài đọc, từ vựng, ngữ pháp, bài nghe, phần luyện phát âm và các bài tập thực hành. Môn học cung cấp cho người học kiến thức ngôn ngữ và vốn từ vựng xoay quanh các chủ đề như du lịch, dự báo thời tiết, văn hóa Pháp, kế hoạch tương lai, kỷ niệm, tiểu sử. Sinh viên được cung cấp những kiến thức ngữ pháp và ngữ âm cần thiết.

### **13.19. Nghiệp vụ văn phòng**

#### **Môn học tiên quyết: Không**

Môn học giúp người học bước đầu làm quen với môi trường văn phòng nói chung vì kỹ năng văn phòng là một kỹ năng quan trọng trong mọi lãnh vực kể cả trong giảng dạy tiếng Anh và doanh nghiệp. Các mảng công việc của một thư ký cũng như các thiết bị văn phòng cùng những giao dịch thường ngày sẽ được đề cập nhằm chuẩn bị kỹ năng văn phòng cho người học một cách chuyên nghiệp.

### **13.20. Tiếng Việt thực hành**

#### **Môn học tiên quyết: Không**

Môn học được thiết kế thành 4 chương. Mỗi chương gồm hai phần chính được biên soạn đan xen vào nhau: giản yếu về lý thuyết và hệ thống bài tập thực hành. Chương 1 tập trung vào vấn đề chữ viết và chính tả. Chương 2 tập trung rèn luyện kỹ năng dung từ. Tương tự, nội dung chương 3 là rèn luyện kỹ năng về câu. Chương 4, rèn luyện kỹ năng tạo lập và tiếp nhận văn bản.

### **13.21. Ngôn ngữ học đối chiếu**

#### **Môn học tiên quyết: Dẫn luận ngôn ngữ học [2BAS0005]**

Ngôn ngữ học đối chiếu là môn học được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về ngôn ngữ học, trên cơ sở đó sinh viên có thể có cái nhìn sắc sảo hơn theo quan điểm so sánh

và đối chiếu về hai ngôn ngữ tự nhiên là tiếng Anh và tiếng Việt. Sinh viên rèn luyện để thành thạo trong việc xem xét những tương đồng và dị biệt giữa hai ngôn ngữ này tại nhiều cấp độ ngôn ngữ khác nhau như âm vị, hình vị, từ, ngữ đoạn, và câu.

### **13.22. Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh**

#### **Môn học tiên quyết: Không**

The course is designed to help first-year students familiarize themselves with a new learning environment, equipping students with career orientation (majors) through the lecturer's presentations, in-class activities and worksheets assigned to students. Students will be active in the process of studying, researching at the university level, preparing for career development.

### **13.23. Kỹ năng thuyết trình**

#### **Môn học tiên quyết: Không**

Kỹ năng thuyết trình là môn học không thiên về kỹ năng ngôn ngữ, mà thiên về kỹ thuật diễn đạt ngôn ngữ (Tiếng Anh) và thuyết phục công chúng trong nhiều tình huống khác nhau. Sinh viên sẽ học cách phân tích đối tượng người nghe, tra cứu và phát triển nội dung trình bày kết hợp sử dụng các công cụ thuyết trình. Đồng thời, sinh viên học các kỹ năng và kỹ thuật diễn thuyết trước đám đông.

### **13.24. Nghe nâng cao 1**

#### **Môn học tiên quyết: Không**

Môn học Nghe nâng cao 1 là môn dạy kỹ năng ngôn ngữ mức trung cấp. Sinh viên sẽ học kỹ năng nghe hiểu với các tình huống và chủ đề mang tính học thuật như kinh doanh, khoa học hành vi, tâm lý học phát triển, nghệ thuật, dinh dưỡng và giáo dục. Sinh viên được thực hành nghe hiểu nhiều thể loại khác nhau như bài hội thoại, bài thuyết trình hay bài giảng ngắn để hiểu ý chính và thông tin chi tiết của bài nghe.

### **13.25. Nói nâng cao 1**

#### **Môn học tiên quyết: Không**

Môn học Nói nâng cao 1 là môn dạy kỹ năng ngôn ngữ mức trung cấp. Sinh viên sẽ học kỹ năng nói bằng tiếng Anh với các tình huống và chủ đề chủ đề mang tính học thuật như kinh doanh, khoa học hành vi, tâm lý học phát triển, nghệ thuật, dinh dưỡng và giáo dục. Sinh viên được thực hành các kỹ năng nói tiếng Anh, bao gồm kỹ năng kiểm tra thông tin, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng nhận xét, nêu ý kiến cá nhân, thảo luận nhóm, giải thích lý do.

### **13.26. Đọc nâng cao 1**

#### **Môn học tiên quyết: Không**

Môn học Đọc nâng cao 1 là môn dạy kỹ năng ngôn ngữ mức trung cấp. Trọng tâm của môn học là áp dụng các kỹ năng đọc hiểu để phân tích các văn bản thuộc các chủ đề học thuật như xã hội học, hành vi khách hàng, tâm lý học phát triển, nhân loại học, khoa học dinh dưỡng, giáo dục. Đồng

thời, môn học cũng hỗ trợ sinh viên bổ sung thêm vốn từ vựng thuộc các chủ đề trên.

### **13.27. Viết nâng cao 1**

#### **Môn học tiên quyết: Không**

Môn học Viết nâng cao 1 là môn dạy kỹ năng ngôn ngữ mức trung cấp. Sinh viên tiếp tục phát triển kỹ năng viết các bài luận phân tích, mô tả, tường thuật, so sánh – đối chiếu, nguyên nhân – kết quả và bài tóm tắt một văn bản khác về một số chủ đề mang tính học thuật như xã hội học, nhân loại học, khoa học dinh dưỡng, giáo dục, tâm lý. Bên cạnh đó, sinh viên tiếp tục rèn luyện các kỹ năng phát triển từ vựng nhằm có thể tự mở rộng vốn từ.

### **13.28. Nghe nâng cao 2**

#### **Môn học tiên quyết: Nghe nâng cao 1 [2ENG11309]**

Môn học Nghe nâng cao 2 là môn dạy kỹ năng ngôn ngữ nâng cao. Cụ thể, sinh viên có thể nghe hiểu các bài giảng, bài nói và thảo luận có tranh luận về các chủ đề học thuật, khoa học xã hội và khoa học tự nhiên ít quen thuộc. Ngoài ra, sinh viên cũng được cung cấp các kiến thức nâng cao về từ vựng, phát âm và ngôn ngữ chức năng để tăng độ chính xác và nhuần nhuyễn khi nghe tiếng Anh.

### **13.29. Nói nâng cao 2**

#### **Môn học tiên quyết: Nói nâng cao 1 [2ENG11310]**

Môn học Nói nâng cao 2 là môn dạy kỹ năng ngôn ngữ nâng cao. Sinh viên được cung cấp các kiến thức từ vựng nâng cao, phát âm và ngôn ngữ chức năng để tăng độ chính xác và nhuần nhuyễn khi sử dụng tiếng Anh trong các buổi thảo luận nhóm, tranh luận, thuyết trình đưa thông tin, thuyết minh dự án, thuyết trình đề thuyết phục, thương lượng hoặc giải quyết mâu thuẫn.

### **13.30. Đọc nâng cao 2**

#### **Môn học tiên quyết: Đọc nâng cao 1 [2ENG11311]**

Môn học Đọc nâng cao 2 là môn dạy kỹ năng ngôn ngữ mức nâng cao. Môn học giúp sinh viên phát triển những kiến thức và từ vựng đã có từ các môn học kỹ năng đọc trước đó. Đồng thời bổ sung các kỹ năng đọc ở dạng cao cấp hơn với nhiều thuật ngữ chuyên ngành thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau như ngôn ngữ học, xã hội học, ngành truyền thông, quan hệ quốc tế, quy hoạch đô thị, sinh thái học.

### **13.31. Viết nâng cao 2**

#### **Môn học tiên quyết: Viết nâng cao 1 [2ENG11312]**

Môn học Viết nâng cao 2 là môn dạy kỹ năng ngôn ngữ nâng cao. Môn học giúp sinh viên xây dựng các bài luận với độ dài tương đối một cách thông nhất, mạch lạc và chặt chẽ. Môn học sẽ hướng sinh viên đến việc làm quen với các văn bản khoa học, các bài khảo sát về hiện tượng ngôn ngữ học và các dạng bài nghiên cứu so sánh về văn hóa, đặt nền tảng kiến thức cũng như kỹ năng và phương pháp làm khóa luận tốt nghiệp sau này.

### **13.32. Viết học thuật**

#### **Môn học tiên quyết: Viết nâng cao 2 [2ENG11316]**

Môn học Viết học thuật cung cấp cho sinh viên cấu trúc của một bài nghiên cứu, nội dung của mỗi chương trong bài khóa luận và sự hiểu biết chung về các phương pháp nghiên cứu phổ biến. Môn học này giúp sinh viên phát triển kỹ năng viết học thuật và nắm vững các bước cần thiết khi viết một đề cương khóa luận. Môn học sẽ thúc đẩy sự đam mê của sinh viên đối với việc nghiên cứu và nâng cao nhận thức của sinh viên về các vấn đề đạo đức trong lĩnh vực học thuật.

### **13.33. Viết luận Anh**

#### **Môn học tiên quyết: Viết nâng cao 2 [2ENG11316]**

Môn viết luận Anh được thiết kế để giúp sinh viên nắm vững được cấu trúc, đặc điểm và hình thức của cách viết luận một cách hiệu quả cũng như quy trình viết một bài luận hoàn chỉnh. Sinh viên sẽ học về cách tổ chức, các chi tiết cần thiết, các phần của một bài luận, các cụm từ phù hợp được sử dụng trong viết luận và các chủ điểm ngữ pháp thường được sử dụng trong các bài luận.

### **13.34. Tiếng Anh nâng cao**

#### **Môn học tiên quyết: Nghe nâng cao 2 [2ENG11313], Nói nâng cao 2 [2ENG11314], Đọc nâng cao 2 [2ENG11315], Viết nâng cao 2 [2ENG11316]**

Tiếng Anh nâng cao là một trong những môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành Ngôn ngữ Anh. Môn học nhằm giúp sinh viên hệ thống lại kỹ năng ngôn ngữ. Ngoài ra giảng viên còn giúp cho sinh viên làm quen với cấu trúc và nội dung của một bài thi tiếng Anh kỹ năng tương đương bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam và cách làm bài thi hiệu quả.

### **13.35. Ngữ âm - âm vị học**

#### **Môn học tiên quyết:**

Môn học cung cấp kiến thức căn bản nhất về Ngữ âm học và Âm vị học tiếng Anh, bao gồm: hệ thống phụ âm và nguyên âm tiếng Anh; nhị trùng âm và tam trùng âm; âm vị và tha âm vị; các quy tắc ngữ âm học; âm tiết; trọng âm, thanh điệu, cao độ và ngữ điệu. Ngoài ra còn có phần củng cố kiến thức và bài tập thực hành đi kèm.

### **13.36. Hình thái học**

#### **Môn học tiên quyết: Ngữ âm - âm vị học [2ENG3224]**

Môn Hình thái học là môn học nhập môn thuộc nhóm môn Ngôn ngữ học tiếng Anh dựa trên lý thuyết ngôn ngữ của Chomsky. Môn học cung cấp kiến thức về cấu trúc bên trong của từ, cung cấp cho sinh viên một cái nhìn tổng quan về lý thuyết và phân tích hình thái đương đại. Sinh viên sẽ học các chủ đề như định nghĩa và phân loại hình vị, cách phân tích hình vị, quá trình hình thành từ, phân loại từ vựng.

### **13.37. Cú pháp học**

#### **Môn học tiên quyết: Hình thái học [2ENG3227]**

Cú pháp học là môn học nhập môn thuộc nhóm môn Ngôn ngữ học tiếng Anh dựa trên lý thuyết ngôn ngữ của Chomsky. Môn học tập trung vào vận dụng thực tiễn chứ không đi sâu vào lý thuyết. Sinh viên sẽ học cấu trúc của câu và mối liên hệ giữa các yếu tố cấu thành câu.

### **13.38. Ngữ nghĩa học**

#### **Môn học tiên quyết: Cú pháp học [2ENG13226]**

Môn ngữ nghĩa học là môn học thuộc nhóm môn Ngôn ngữ học tiếng Anh. Môn học giới thiệu các khái niệm cơ bản về nghĩa và các đặc điểm của nghĩa, chủ yếu tập trung vào nghĩa của từ và một số phương diện thuộc nghĩa của câu. Nghĩa liên nhân được trình bày sơ lược để sinh viên nắm các khái niệm cơ bản.

### **13.39. Văn hóa Mỹ**

#### **Môn học tiên quyết: Nghe nâng cao 2 [2ENG11313], Nói nâng cao 2 [2ENG11314], Đọc nâng cao 2 [2ENG11315], Viết nâng cao 2 [2ENG11316]**

Môn học cung cấp cho người học những kiến thức về địa lý, kinh tế, chính trị, giáo dục để làm nền tảng giải thích cho nền văn hóa đa dạng ở Mỹ. Môn học cũng giúp người học phân tích và lý giải về các hiện tượng văn hóa cũng như sự đa dạng của nó do tác động của các yếu tố lịch sử, văn hóa, kinh tế, chính trị. Môn học này được thiết kế giảng dạy theo mô hình Flipped class và Project-based.

### **13.40. Văn học Mỹ**

#### **Môn học tiên quyết: Văn hóa Mỹ [2SOC1490]**

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn học Mỹ, đặc biệt nhóm văn học dân tộc thiểu số ở Hoa Kỳ. Thông qua khóa học này, sinh viên có cơ hội thực hành các kỹ năng trình bày, phân tích, thảo luận và làm việc theo nhóm. Khóa học này cũng giúp sinh viên cải thiện vốn từ vựng và kỹ năng sử dụng tiếng Anh thông qua các hoạt động thảo luận, làm việc nhóm.

### **13.41. Văn hóa Anh**

#### **Môn học tiên quyết: Nghe nâng cao 2 [2ENG11313], Nói nâng cao 2 [2ENG11314], Đọc nâng cao 2 [2ENG11315], Viết nâng cao 2 [2ENG11316]**

Môn học cung cấp cho người học những kiến thức về địa lý, kinh tế, chính trị, giáo dục để làm nền tảng giải thích cho nền văn hóa đa dạng ở Anh. Môn học cũng giúp người học phân tích và lý giải về các hiện tượng văn hóa cũng như sự đa dạng của nó do tác động của các yếu tố lịch sử, văn hóa, kinh tế, chính trị. Những kiến thức về văn hóa Anh sẽ giúp người học ứng xử đúng mực trong môi trường làm việc đa văn hóa và xu hướng toàn cầu hóa.

### **13.42. Văn học Anh**

#### **Môn học tiên quyết: Nghe nâng cao 2 [2ENG11313], Nói nâng cao 2 [2ENG11314], Đọc nâng**

## **cao 2 [2ENG11315], Viết nâng cao 2 [2ENG11316]**

Khóa học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận phê bình văn học Anh, đặc biệt dựa trên các tác phẩm kịch của Shakespeare. Thông qua khóa học này, học sinh có cơ hội thực hành các kỹ năng thuyết trình, phân tích, thảo luận và làm việc theo nhóm. Khóa học này cũng giúp học sinh cải thiện vốn từ vựng và kỹ năng Anh ngữ của mình.

### **13.43. Giao tiếp xuyên văn hóa**

**Môn học tiên quyết: Cơ sở văn hóa Việt Nam [2BAS0002], Văn hóa Mỹ [2SOC1490]**

Môn học Giao tiếp xuyên văn hóa cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các nền văn hóa bao gồm sự đa dạng của văn hóa, sự mâu thuẫn và điều chỉnh giữa các nền văn hóa, giao tiếp dùng lời nói và không dùng lời nói, các mối quan hệ xã hội và các giá trị giữa các nền văn hóa khác nhau. Môn học cũng giúp sinh viên phát triển cái nhìn đa chiều về các nền văn hóa khác, tôn trọng sự khác biệt và các giá trị văn hóa để tránh những cú sốc về văn hóa hay sự đổ vỡ trong giao tiếp.

### **13.44. Lý thuyết giảng dạy tiếng Anh**

**Môn học tiên quyết: Nghe nâng cao 2 [2ENG11313], Nói nâng cao 2 [2ENG11314], Đọc nâng cao 2 [2ENG11315], Viết nâng cao 2 [2ENG11316]**

Trong môn học này, sinh viên được cung cấp lý thuyết về giảng dạy Tiếng Anh đang được phổ biến trên khắp thế giới, phương pháp tổ chức lớp học sao cho phù hợp với cách dạy và học các ngữ liệu (từ vựng, ngữ âm, cấu trúc ngữ pháp) theo hướng giao tiếp. Sinh viên áp dụng kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng giải quyết vấn đề vào việc tổ chức lớp và hướng dẫn học sinh học tập.

### **13.45. Tâm lý học giáo dục**

**Môn học tiên quyết: Không**

Môn học Tâm lý học giáo dục trang bị cho sinh viên các kiến thức chung và chuyên sâu về tâm lý học và tâm lý lứa tuổi- sự phạm, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên học các học phần có liên quan và có kiến thức cần thiết cho công tác liên quan đến giảng dạy sau này.

### **13.46. Thực hành giảng dạy**

**Môn học tiên quyết: Lý thuyết giảng dạy tiếng Anh [2ENG2301]**

Trong môn học này, sinh viên áp dụng các kiến thức cơ bản đã học trong môn học Lý thuyết giảng dạy Tiếng Anh và áp dụng các kiến thức đó vào việc thực tập giảng dạy chương trình Tiếng Anh cấp ba, qua cách dạy các ngữ liệu, các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết Tiếng Anh, cách tổ chức lớp, cách rèn luyện học sinh làm việc theo từng cặp, nhóm, cách kiểm tra, đánh giá học sinh, sao cho phù hợp với đường hướng giao tiếp.

### **13.47. Công nghệ trong giảng dạy**

**Môn học tiên quyết: Nghe nâng cao 2 [2ENG11313], Nói nâng cao 2 [2ENG11314], Đọc nâng cao 2 [2ENG11315], Viết nâng cao 2 [2ENG11316]**

Môn học Công nghệ trong giảng dạy cung cấp sự liên kết giữa lý thuyết và thực hành trong



việc sử dụng công nghệ trong việc giảng dạy ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh, với mục đích tích hợp công nghệ vào hoạt động dạy và học. Môn học trình bày các cách sử dụng công nghệ hiện đại khác nhau và giúp sinh viên làm quen với các công cụ, phần mềm và trang web hữu ích thông qua các bài tập thực tế tập trung vào các kỹ năng ngôn ngữ.

### **13.48. Thiết kế khóa học ngoại ngữ**

#### **Môn học tiên quyết: Lý thuyết giảng dạy tiếng Anh [2ENG2301]**

Môn học Thiết kế khóa học ngoại ngữ dành cho sinh viên chọn việc giảng dạy tiếng Anh là nghề nghiệp của bản thân trong tương lai. Môn học cung cấp cho người học các lý thuyết, quá trình và kỹ thuật trong việc thiết kế đề cương cho một môn học tiếng Anh. Kiến thức và kỹ năng trong môn học này sẽ giúp cho sinh viên làm việc độc lập và hiệu quả trong lĩnh vực giảng dạy trong tương lai.

### **13.49. Kiểm tra và đánh giá trong giảng dạy ngoại ngữ**

#### **Môn học tiên quyết: Nghe nâng cao 2 [2ENG11313], Nói nâng cao 2 [2ENG11314], Đọc nâng cao 2 [2ENG11315], Viết nâng cao 2 [2ENG11316]**

Môn học Kiểm tra và đánh giá trong giảng dạy ngoại ngữ cung cấp các nguyên lý nền tảng cho việc đánh giá và thiết kế các quy trình đánh giá trong đó tập trung vào việc đánh giá trong lớp học cũng như hướng dẫn đánh giá tất cả các kỹ năng tiếng Anh (nghe, nói, đọc, viết). Môn học cung cấp các kỹ thuật đánh giá việc thiết kế một bài kiểm tra, các vấn đề liên quan đến đánh giá trong lĩnh vực giáo dục và thương mại và các cách thức đánh giá khác nhau.

### **13.50. Giáo dục học đại cương và phổ thông**

#### **Môn học tiên quyết: Không**

Môn học cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học và các khái niệm cơ bản của giáo dục học; vai trò của giáo dục đối với sự phát triển con người và xã hội; những vấn đề lý luận về triết lý, nguyên lý giáo dục, mục tiêu giáo dục; quan điểm, chiến lược phát triển giáo dục và việc tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân.

### **13.51. Viết chuyên ngành thương mại**

#### **Môn học tiên quyết: Nghe nâng cao 2 [2ENG11313], Nói nâng cao 2 [2ENG11314], Đọc nâng cao 2 [2ENG11315], Viết nâng cao 2 [2ENG11316]**

Viết chuyên ngành thương mại là môn học lý thuyết, giới thiệu cho sinh viên một số loại văn thư phổ biến trong giao dịch thương mại và tập trung vào các kỹ năng viết tiếng Anh trong môi trường kinh doanh. Học phần bao gồm 13 chương với các nội dung cơ bản sau: các dạng văn thư thương mại, vai trò của văn thư trong môi trường kinh doanh, cách trình bày và diễn đạt khi soạn thảo các dạng văn thư thương mại khác nhau

### **13.52. Nhập môn biên phiên dịch**

#### **Môn học tiên quyết: Nghe nâng cao 2 [2ENG11313], Nói nâng cao 2 [2ENG11314], Đọc nâng**

## **cao 2 [2ENG11315], Viết nâng cao 2 [2ENG11316]**

Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ sở về lí thuyết dịch, phân biệt kỹ thuật biên dịch và phiên dịch, các chiến lược dịch, kỹ thuật, kỹ năng cần thiết cho công tác biên phiên dịch. Môn học cũng trang bị cho người học các kỹ năng, tiêu chuẩn đạo đức và những đòi hỏi của nghề biên phiên dịch để người học định hướng và chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai.

### **13.53. Tiếng Anh thương mại**

**Môn học tiên quyết: Nghe nâng cao 2 [2ENG11313], Nói nâng cao 2 [2ENG11314], Đọc nâng cao 2 [2ENG11315], Viết nâng cao 2 [2ENG11316]**

Môn học Tiếng Anh thương mại được thiết kế là một môn kiến thức ngành tự chọn đối với sinh viên năm thứ 3 hoặc thứ 4 ngành Ngôn ngữ Anh có ý định kiếm việc làm trong bối cảnh kinh doanh. Trong môn học, sinh viên sẽ được học một loạt các tình huống kinh doanh; phát triển các kỹ năng giao tiếp và giao tiếp qua điện thoại trong môi trường kinh doanh; học những kiến thức cơ bản và các khái niệm kinh doanh chính.

### **13.54. Thực hành biên dịch**

**Môn học tiên quyết: Nhập môn biên phiên dịch [2ENG2302]**

Môn học được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên phân giới thiệu ngắn gọn về các kỹ năng biên dịch, các phẩm chất cần thiết của một biên dịch viên và các chiến lược biên dịch. Môn học cũng giúp sinh viên có cơ hội áp dụng các cấu trúc hữu ích và các thành ngữ vào trong việc dịch câu, đoạn và bài hoàn chỉnh thuộc các chủ đề khác nhau. Môn học cũng cho phép sinh viên thảo luận các vấn đề có thể phát sinh trong quá trình biên dịch và đưa ra các giải pháp.

### **13.55. Thực hành phiên dịch**

**Môn học tiên quyết: Nhập môn biên phiên dịch [2ENG2302]**

Môn học được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên phân giới thiệu ngắn gọn về các mô hình phiên dịch và các phẩm chất cần thiết của một phiên dịch viên giỏi. Bên cạnh đó, môn học cũng cung cấp cho sinh viên cơ hội thực hành phiên dịch các văn bản nói thuộc các chủ đề khác nhau và trong những tình huống khác nhau. Môn học cũng cho phép sinh viên thảo luận các vấn đề có thể phát sinh trong quá trình phiên dịch và đưa ra các giải pháp.

### **13.56. Biên dịch thương mại**

**Môn học tiên quyết: Nhập môn biên phiên dịch [2ENG2302]**

Biên dịch thương mại là môn học lý thuyết, cung cấp những kiến thức chuyên môn và kỹ năng sử dụng ngôn ngữ Anh trong biên dịch các lĩnh vực thương mại. Học phần bao gồm 13 chương với các nội dung cơ bản sau: Phân tích văn bản cần dịch, các quy trình và phương pháp dịch thuật, quan hệ giữa dịch thuật và văn hóa.

### **13.57. Tiếng Anh chuyên ngành du lịch**

**Môn học tiên quyết: Nghe nâng cao 2 [2ENG11313], Nói nâng cao 2 [2ENG11314], Đọc nâng cao 2 [2ENG11315], Viết nâng cao 2 [2ENG11316]**

Môn học tiếng Anh du lịch cung cấp cho người học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành du lịch, tập trung vào các mảng đề tài như các loại hình lưu trú, nhà hàng, ngôn ngữ thực hành hướng dẫn du khách, các phương tiện đi lại. Từ đó sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học được vào các tình huống giao tiếp cơ bản. Môn học còn tạo điều kiện cho các em có cơ hội thực hiện các đề án nhỏ tạo ra các sản phẩm phục vụ cộng đồng.

### **13.58. Tiếng Anh chuyên ngành nhân sự**

**Môn học tiên quyết: Nghe nâng cao 2 [2ENG11313], Nói nâng cao 2 [2ENG11314], Đọc nâng cao 2 [2ENG11315], Viết nâng cao 2 [2ENG11316]**

Môn học tiếng Anh nhân sự cung cấp cho sinh viên một loạt các tình huống về nghiệp vụ quản lý nhân sự; phát triển các kỹ năng tìm kiếm, nắm bắt cơ hội việc làm với vai trò là người lao động; hoặc học những kiến thức cơ bản và các khái niệm quản lý nhân sự chính với vai trò là người quản lý lao động.

**HIỆU TRƯỞNG**

**TRƯỞNG KHOA**

**Trần Xuân Định**

**Migyu Kang**